TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/KDTM-ST
Ngày: 30– 6 – 2022
V/v tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Khánh Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu;

2. Bà Dương Thị Bạn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Cảnh Khang là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Thuận An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 09/2022/TLST-KDTM ngày 21 tháng 3 năm 2022 về việc Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2022/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-KDTM ngày 08 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH H&F; trụ sở: Phòng 310 tòa nhà SCSC, số 30 PTD, phường 4, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Th, sinh năm 1979; địa chỉ: 195 NTH, Phường PNL, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 21/3/2022), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Công ty TNHH TY; trụ sở: Đường ĐT743, khu phố BP B, phường BC, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Choe Bee H, chức vụ: Tổng giám đốc , vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/6/2021, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Hoàng Thị Thụ trình bày:

Công ty TNHH TY là khách hàng của Công ty TNHH H&F. Hai bên thỏa thuận

với nhau về việc nguyên đơn sẽ cung ứng dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không, dịch vụ khai báo hải quan, dịch vụ vận chuyển nội địa, dịch vụ làm hàng hóa tại sân bay v.v. cho Công ty TNHH TY theo đơn giá mà hai bên thỏa thuận với nhau. Trong tháng 9/2020 và tháng 10/2020 nguyên đơn đã cung ứng dịch nêu trên cho bị đơn thể hiện qua các hóa đơn giá trị gia tăng sau:

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0013589 ngày 11/9/2020, số tiền: 12.495.990 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0013590 ngày 11/9/2020, số tiền 1.796.653 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0013639 ngày 16/9/2020, số tiền 12.742.652 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0013640 ngày 16/9/2020, số tiền 1.809.708 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0013681 ngày 18/9/2020 số tiền 1.795.373 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0013682 ngày 18/9/2020 số tiền 13.403.520 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0013693 ngày 21/9/2020 số tiền 54.690.085 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0013694 ngày 21/9/2020 số tiền 2.479.069 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0013718 ngày 22/9/2020 số tiền 15.699.338 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0013719 ngày 22/9/2020 số tiền 1.834.281 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014360 ngày 30/10/2020 số tiền 27,489,024 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014361 ngày 30/10/2020 số tiền 2.852.328 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014362 ngày 30/10/2020 số tiền 26.904.608 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014363 ngày 30/10/2020 số tiền 2.882.381 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014364 ngày 30/10/2020 số tiền 10.424.960 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014365 ngày 30/10/2020 số tiền 3.055.920 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014366 ngày 30/10/2020 số tiền 2.671.022 đồng.

Hóa đơn giá trị gia tăng số 0014367 ngày 30/10/2020 số tiền 9.233.536 đồng.

Tổng số tiền 204.260.448 đồng.

Nguyên đơn đã thực hiện xong các dịch vụ mà bị đơn yêu cầu, đã xuất hóa đơn giá trị gia tăng nhưng bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Do Công ty TNHH TY vi phạm nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ trên nên nguyên đơn đã ngưng cung cấp dịch vụ cho các lô hàng của Công ty TNHH TY Vina từ tháng 11/2020. Việc bị đơn không thanh toán nợ đã khiến cho nguyên đơn gặp nhiều khó khăn và thiệt hại. Do đó, Công ty TNHH H&F yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH TY có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ là 204.260.448 đồng.

Chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; giấy chứng nhận đã đăng ký mẫu dấu, 18 hóa đơn giá trị gia tăng, các email xác nhận 18 hóa đơn GTGT, đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; triệu tập hợp lệ người đại diện theo pháp luật của bị đơn để tham gia tố tụng nhưng bị đơn không chấp hành và không có phản hồi gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng pháp luật, không tham gia tố tụng xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 204.260.448 đồng, không yêu cầu thanh toán tiền lãi. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với các chứng cứ mà đại diện nguyên đơn đã cung cấp. Do đó, có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty TNHH TY đã được Tòa án tống đạt hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn Công ty TNHH H&F khởi kiện bị đơn Công ty TNHH TY yêu cầu thanh toán tiền cho các dịch vụ hải quan, dịch vụ vận chuyển nội địa, dịch vụ làm hàng hóa tại sân bay .v.v mà nguyên đơn cung ứng theo yêu cầu của bị đơn nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này được xác định lại là vụ án tranh chấp về hợp đồng cung ứng dịch vụ phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và Công văn số 452/CVĐKKD ngày 18/4/2022 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Bình Dương về việc cung cấp thông tin thể hiện bị đơn Công ty TNHH TY có địa chỉ trụ sở: Đường ĐT743, khu phố Bình Phước B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn Công ty TNHH H&F và bị đơn Công ty TNHH TY không ký kết hợp đồng dịch vụ bằng văn bản mà chỉ thỏa thuận miệng với nhau về việc nguyên đơn sẽ cung cấp dịch vụ như thực hiện các dịch vụ vận chuyển bằng đường hàng không, dịch vụ khai báo hải quan, dịch vụ vận chuyển nội địa, dịch vụ làm hàng hóa tại sân bay .v.v. cho bị đơn Công ty TNHH TY. Trong tháng 9/2020 và tháng 10/2020, nguyên đơn đã cung ứng cho bị đơn các dịch vụ theo thỏa thuận trên, đã hoàn thanh và xuất hóa đơn giá trị gia tăng để bị đơn thanh toán tiền. Tuy nhiên, bị đơn không thanh toán và cũng không đưa ra được lý do hợp lý cho việc không thanh toán đối với các dịch vụ mà nguyên đơn đã cung ứng nên từ tháng 11/2020 nguyên đơn đã ngưng cung cấp dịch vụ và yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số tiền 204.260.448 đồng cho 18 hóa đơn giá trị gia tăng nêu trên. Việc bị đơn đã sử dụng các dịch vụ mà nguyên đơn đã cung ứng xong và không thanh toán tiền đã vi phạm nghĩa vụ của khách hàng theo quy định tại Điều 85, 87 Luật Thương mại xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả số tiền 204.260.448 đồng cho

nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 74, 75, 78, 79, 82, 86 và Điều 87 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H&F đối với Công ty TNHH TY về việc tranh chấp hợp đồng cung ứng dịch vụ.

Buộc Công ty TNHH TY phải thanh toán cho Công ty TNHH H & F số tiền 204.260.448 đồng (hai trăm lẻ bốn triệu hai trăm sáu mươi nghìn bốn trăm bốn mươi tám đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Trả lại cho Công ty TNHH H & F số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.106.511 đồng (năm triệu một trăm lẻ sáu nghìn năm trăm mười một đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002071 ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Công ty TNHH TY phải chịu 10.213.022 đồng (mười triệu hai trăm mười ba nghìn không trăm hai mươi hai đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án

dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Khánh Linh